

BẢN TIN HÀNG NGÀY

15 tháng 5 năm 2026



Nhóm dầu khí tăng trở lại, Vn-Index điều chỉnh nhẹ

- Vn-Index giảm trong suốt cả ngày, có thời điểm giảm mạnh nhất là khoảng 17 điểm, nhưng đóng cửa chỉ còn giảm 3.86 điểm
- Số mã giảm gấp 1.5 lần số mã tăng
- Nhóm dầu khí tăng trở lại, trong đó GAS thậm chí tăng trần
- Nhóm cao su (PHR GVR DPR) cũng tăng mạnh nhờ giá cao su tự nhiên vượt đỉnh 5 năm
- Ngoài ra, nhóm bất động sản tăng nhẹ, trong đó DXS tăng tốt nhất 5.2%
- Hầu hết cổ phiếu và nhóm ngành khác giảm nhẹ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 16.3% so với ngày trước đó

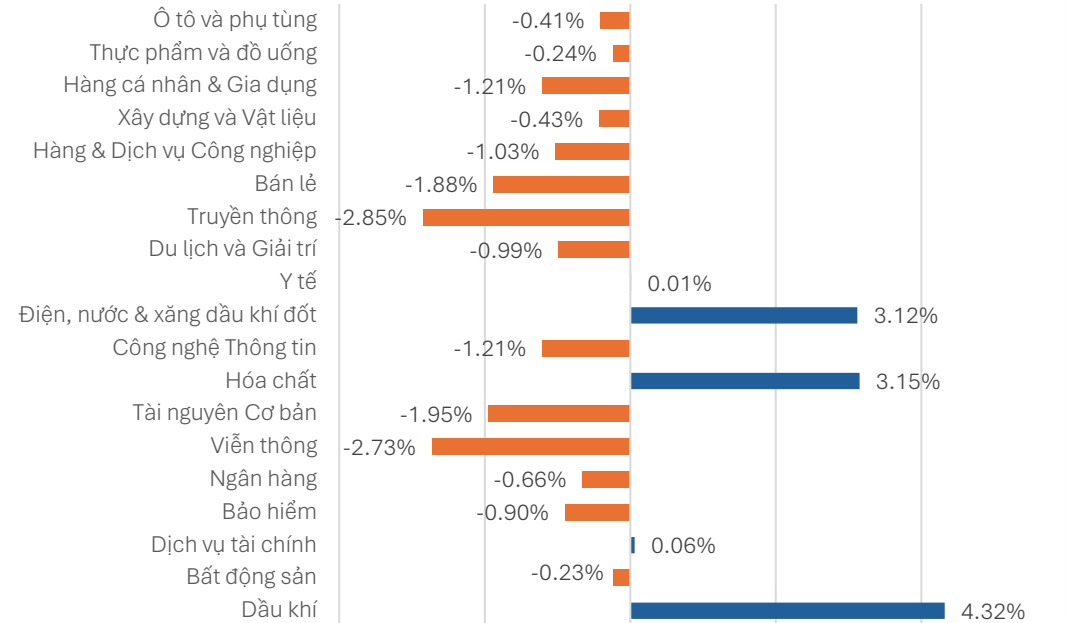


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,921.6	257.4	126.4
(+/-)	-3.86	2.35	0.05
(%)	-0.20%	0.92%	0.04%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	745	62	61
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	23,053	1,090	743
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(811)	(3)	2
Số mã tăng	120	64	128
Số mã giảm	187	85	129
Số mã giá không đổi	62	48	129

1.

Nhận định thị trường

- Sau khi vượt đỉnh 1,920 ngày hôm qua, hôm nay cả Vn-Index và VIC đều giảm nhẹ retest lại hỗ trợ này cũng là hoàn toàn bình thường
- Dòng tiền vẫn đang tìm kiếm lợi nhuận ở nhóm dầu khí và cao su tự nhiên, cho thấy chưa có dấu hiệu thoát ra
- Tất nhiên, số mã giảm nhiều hơn số mã tăng. Trong bối cảnh vĩ mô còn 1 số khó khăn, chúng ta cũng phải chấp nhận thực tế mới của thị trường: dòng tiền không đủ để đẩy tất cả thị trường, sẽ có phân hóa mạnh, và phải lựa chọn cổ phiếu theo dòng tiền.
- Mạnh mẽ nhất hiện tại là VIC VHM VRE. Ngoài ra, dầu khí cũng là nhóm tương đối mạnh (BSR PVS PVD PLX GAS PVT). Đây là các cổ phiếu có thể mua khi thị trường điều chỉnh.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	13.33	1.88
2	Nguyên vật liệu	13.61	1.62
3	Công nghiệp	13.66	1.86
4	Hàng Tiêu dùng	13.94	2.33
5	Dược phẩm và Y tế	15.79	1.58
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.51	3.57
7	Viễn thông	23.11	5.96
8	Tiện ích Cộng đồng	12.72	1.78
9	Tài chính	21.92	3.04
10	Ngân hàng	9.47	1.53
11	Công nghệ Thông tin	13.48	2.66

2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng	Bất động sản	Chứng khoán	Thực phẩm	Xây dựng	Nguyên liệu CB	Tiện ích	Hóa chất								
ACB	2.19%	DXS	5.20%	HCM	1.77%	PAN	4.44%	BMP	0.13%	PTB	0.50%	GAS	6.94%	PHR	6.90%
MSB	0.36%	NVL	3.90%	DSC	0.38%	SAB	3.30%	VGC	-0.23%	DHC	-0.55%	HNA	5.76%	GVR	4.28%
VIB	0.31%	BCM	1.12%	VND	0.30%	VCF	2.33%	CII	-0.26%	NKG	-0.72%	NT2	2.43%	DPR	3.15%
TCB	0.15%	DIG	0.67%	CTS	-0.18%	KDC	0.21%	HTI	-0.41%	HSG	-0.82%	PGD	1.98%	DCM	1.63%
CTG	-0.42%	VHM	0.64%	FTS	-0.37%	SBT	0.00%	VCG	-0.69%	ACG	-1.17%	TMP	1.30%	DGC	1.38%
VCB	-0.49%	QCG	0.37%	TVS	-0.37%	DBC	-0.22%	CTR	-0.82%	HPG	-1.85%	POW	0.71%	DPM	0.37%
SHB	-0.71%	SJS	0.36%	VIX	-0.53%	ANV	-0.44%	PC1	-1.11%			PGV	0.64%	AAA	0.00%
MBB	-0.77%	DXG	0.31%	VDS	-0.73%	VNM	-0.50%	HHV	-1.23%			CHP	0.18%	CSV	-0.19%
NAB	-0.80%	HDC	0.27%	ORS	-1.10%	MCM	-0.52%	CTD	-1.42%			PPC	0.10%	VFG	-2.19%
OCB	-0.88%	TCH	0.00%			HAG	-0.62%					TDM	0.00%		
HDB	-0.90%	IJC	0.00%			BAF	-0.84%					BWE	0.00%		
TPB	-0.95%	HDG	0.00%			ASM	-1.31%					VSH	0.00%		
STB	-0.95%	PDR	0.00%			BHN	-1.36%					SHP	-0.15%		
EIB	-1.13%	KOS	-0.26%			VHC	-1.96%					REE	-0.33%		
LPB	-1.15%	VPI	-0.32%			MSN	-2.02%					GEG	-0.70%		
SSB	-1.20%	VRE	-0.44%			FMC	-2.35%								
BID	-1.38%	SZC	-0.58%												
VPB	-2.13%	VIC	-0.78%												
		KDH	-1.47%												
		SIP	-1.64%												
		NLG	-1.67%												
		KBC	-1.69%												
		CRE	-3.23%												

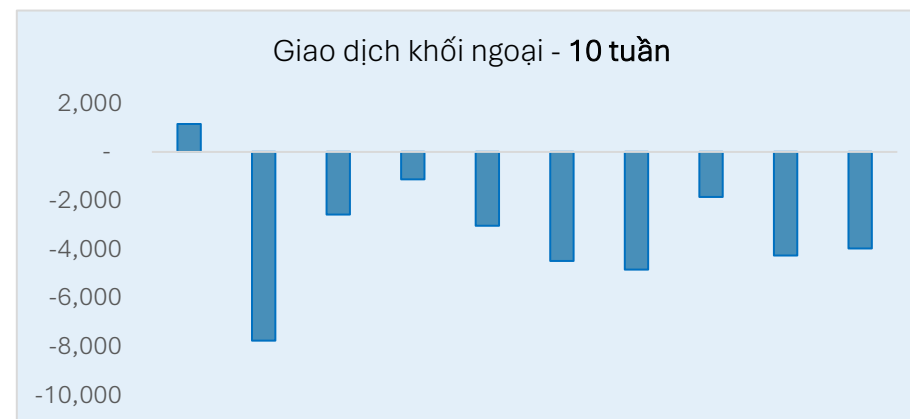
3.

Giao dịch khối ngoại



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	BSR	HOSE	164.68	76.81	87.87
2	VNM	HOSE	53.89	11.93	41.96
3	MSB	HOSE	59.02	17.85	41.18
4	TCB	HOSE	74.23	35.27	38.97
5	SSI	HOSE	57.00	18.38	38.62
6	PVT	HOSE	57.67	24.86	32.81
7	GAS	HOSE	55.15	23.78	31.36
8	VCB	HOSE	42.99	11.84	31.15
9	PHR	HOSE	38.88	9.88	29.00
10	CEO	HNX	30.88	1.97	28.91
11	POW	HOSE	32.23	5.69	26.54
12	PLX	HOSE	43.61	17.57	26.04
13	MBB	HOSE	120.56	100.76	19.80
14	SAB	HOSE	19.21	2.88	16.33
15	VPL	HOSE	19.10	6.37	12.73



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HPG	HOSE	233.38	467.57	- 234.18
2	VHM	HOSE	106.18	243.06	- 136.88
3	VPB	HOSE	33.94	128.40	- 94.45
4	VIC	HOSE	138.92	224.41	- 85.49
5	FPT	HOSE	26.44	99.60	- 73.16
6	KDC	HOSE	1.99	50.69	- 48.70
7	PNJ	HOSE	0.84	48.13	- 47.29
8	STB	HOSE	18.06	61.85	- 43.78
9	NVL	HOSE	10.50	48.13	- 37.63
10	VIX	HOSE	10.08	47.46	- 37.38
11	EIB	HOSE	3.48	40.24	- 36.76
12	CII	HOSE	4.01	36.91	- 32.90
13	PVD	HOSE	3.71	34.11	- 30.40
14	GMD	HOSE	20.26	50.03	- 29.77
15	PC1	HOSE	1.31	26.90	- 25.58

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	106.57	0.89%	6.51%	75.14%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	101.97	0.94%	7.55%	77.59%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,652.46	-0.94%	-0.73%	7.56%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,131	0.02%	0.08%	0.04%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,387	0.02%	0.08%	0.04%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,400	0.00%	-0.38%	-1.57%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	6.32%	-0.01%	0.14%	4.55%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.51%	0.00%	0.00%	0.44%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.65%	0.00%	-0.01%	0.47%

Giá xăng, dầu trong nước đồng loạt giảm từ 15h ngày 14/5

Ở kỳ điều hành chiều 14/5, liên Bộ Tài chính - Công Thương tiếp tục điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Theo đó, Giá dầu diesel hạ còn hơn 27,000 đồng/lít, còn xăng RON95 hạ về sát 24,000 đồng/lít.

Đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc đã tăng lên mức mạnh nhất trong hơn ba năm so với đồng USD

Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) công bố tỷ giá trung tâm ở mức 6.8401 Nhân dân tệ đổi 1 USD, mạnh nhất kể từ ngày 24/03/2023. Từ đầu năm 2026 đến nay, đồng NDT đã tăng khoảng 3% so với USD, chủ yếu nhờ xuất khẩu duy trì mạnh và thặng dư thương mại lớn.

Giá dầu tăng gần 2% sau cuộc gặp giữa ông Tập với ông Trump

Giá dầu đã tiếp tục tăng sau khi Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump nói rằng Trung Quốc đã đồng ý mua dầu từ Mỹ sau cuộc gặp thượng đỉnh. Giá dầu thô Brent giao sau trên thị trường quốc tế giao tháng 7 đã tăng 1,49%, lên mức 107,30 USD/thùng. Giá dầu thô WTI giao tháng 6 tăng 1,55%, lên mức 102,74 USD/thùng.

5.

Bản tin doanh nghiệp



TCB: Techcombank chốt phương án phát hành cổ phiếu, sắp trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam

HĐQT Techcombank thông qua phương án phát hành gần 4,29 tỷ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Trong đó: phát hành 4,25 tỷ cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 60%) và phát hành gần 35,9 triệu cổ phiếu ESOP (tỷ lệ 0,31638%) với giá 10.000 đồng/cp. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ dự kiến tăng mạnh từ 70.862 tỷ đồng lên 113.739 tỷ đồng (tương ứng 11,37 tỷ cổ phiếu lưu hành), đưa TCB trở thành đơn vị có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống.



CTR: Viettel Construction lãi gần 260 tỷ sau 4 tháng, mảng xây dựng tăng 75%

Trong tháng 4, doanh thu của CTR đạt 1.338 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận hơn 63 tỷ đồng, cao hơn 19% so với tháng 4/2025.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, Viettel Construction ghi nhận doanh thu 5.177 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 255 tỷ đồng, tăng 21%. Trong đó, doanh thu từ lĩnh vực xây dựng đạt khoảng 1.941 tỷ đồng, tăng 75% so với cùng kỳ năm trước.

Với kết quả này, doanh nghiệp đã hoàn thành khoảng 33% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2026.



MSR: MSR bán thành công 2% cổ phần, đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

CTCP Tập đoàn Masan (MSN) công bố công ty con mà Masan sở hữu 100% vốn đã hoàn tất việc bán 21.99 triệu cp, tương đương 2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Masan High-Tech Materials (MSR), thông qua các giao dịch trên hệ thống UPCoM. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của MSN tại MSR giảm từ khoảng 94.89% xuống 92.89%, đồng thời tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (free float) của MSR tăng lên 7.11%.

6.

Lịch sự kiện

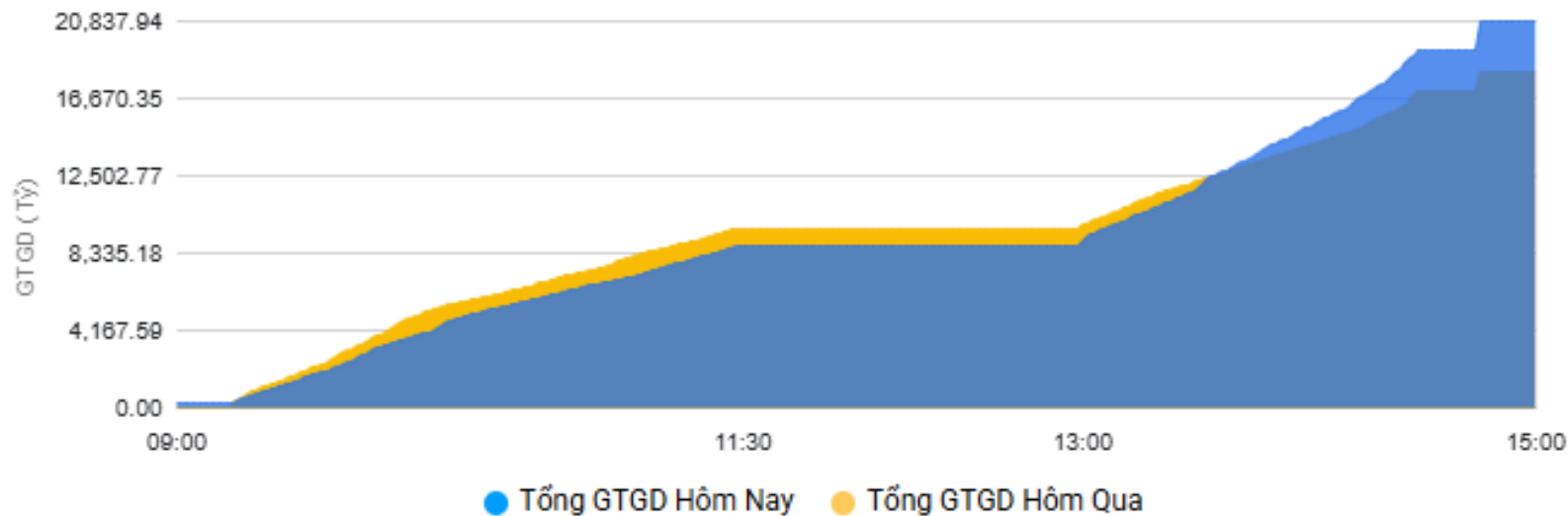
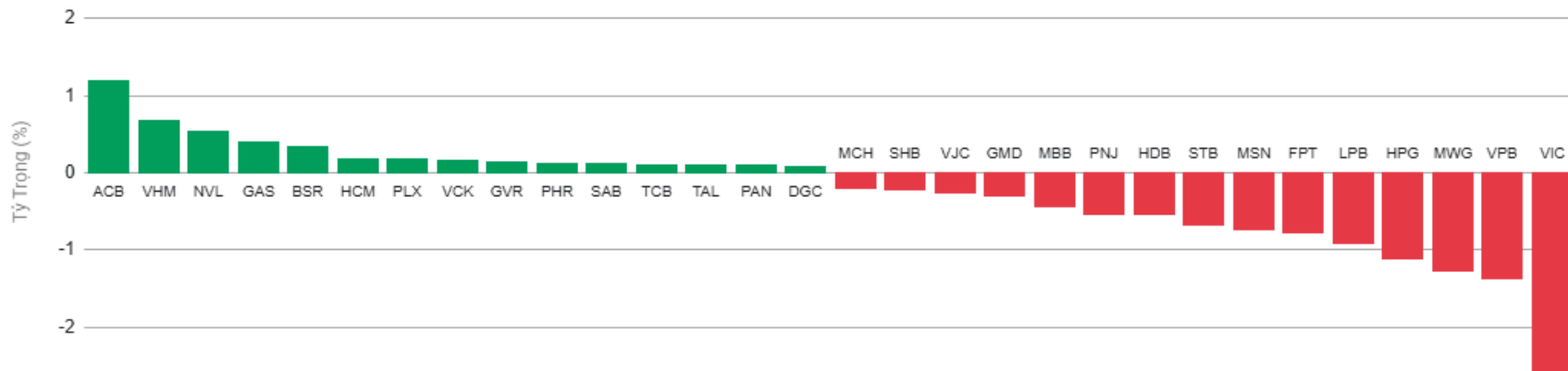
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
DSN	18/05/2026	17/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	16%	1,600
REE	18/05/2026		Phát hành cổ phiếu	15%	
ANT	18/05/2026		Phát hành cổ phiếu	20%	
HPA	18/05/2026	03/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21%	2,100
MSH	18/05/2026	10/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
QSP	18/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
TTD	18/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13%	1,300
APF	19/05/2026	11/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
CID	19/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
CMS	19/05/2026	15/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
HPO	19/05/2026	04/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
MTS	19/05/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8%	800
NCS	19/05/2026	22/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	33%	3,300
PVO	19/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1%	100
SBM	19/05/2026	05/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
SSC	19/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
TCB	19/05/2026	10/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7%	700
TCL	19/05/2026	17/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
TMC	19/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.5%	450

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (15/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	32,381	27,550	17.5%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,700	49.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	34,050	8.7%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	25,650	18.4%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,300	23.4%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	27,550	16.8%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,800	12.3%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	60,700	18.6%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	42,950	11.1%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	72,900	-19.5%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	33,700	26,550	26.9%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,100	2.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	13,800	15.6%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	79,900	11.9%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	21,500	27.7%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	57,500	31.1%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (15/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	26,500	69.8%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	23,400	79.5%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	16,050	29.6%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	8,500	41.2%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	32,050	26.4%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	54,000	53.7%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	34,000	-11.8%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	158,000	-44.8%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,900	28.0%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,550	12.4%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	24,050	23.7%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	21,600	9.7%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	76,600	14.4%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	134,000	26.9%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	82,000	31.1%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	33,700	20.2%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	42,400	15.6%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

